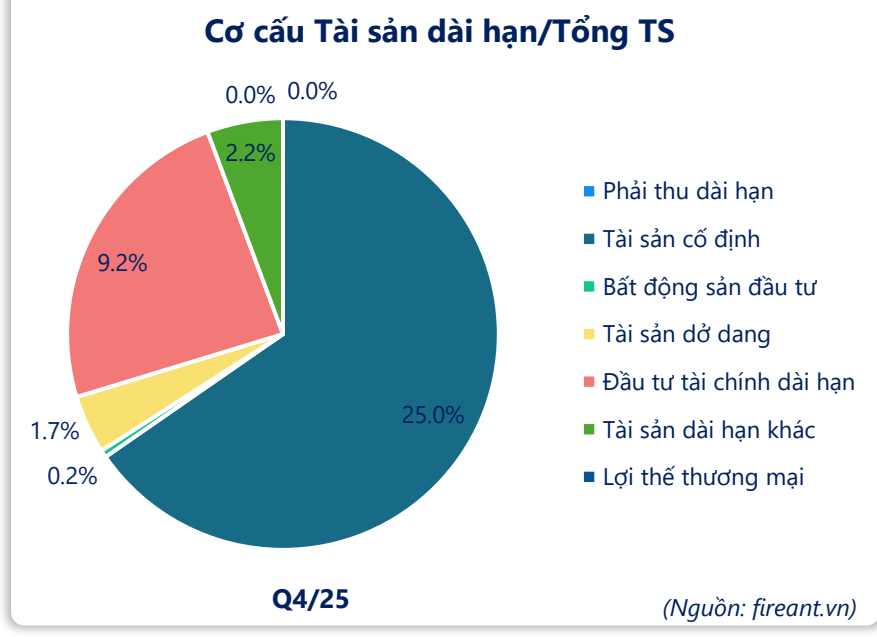
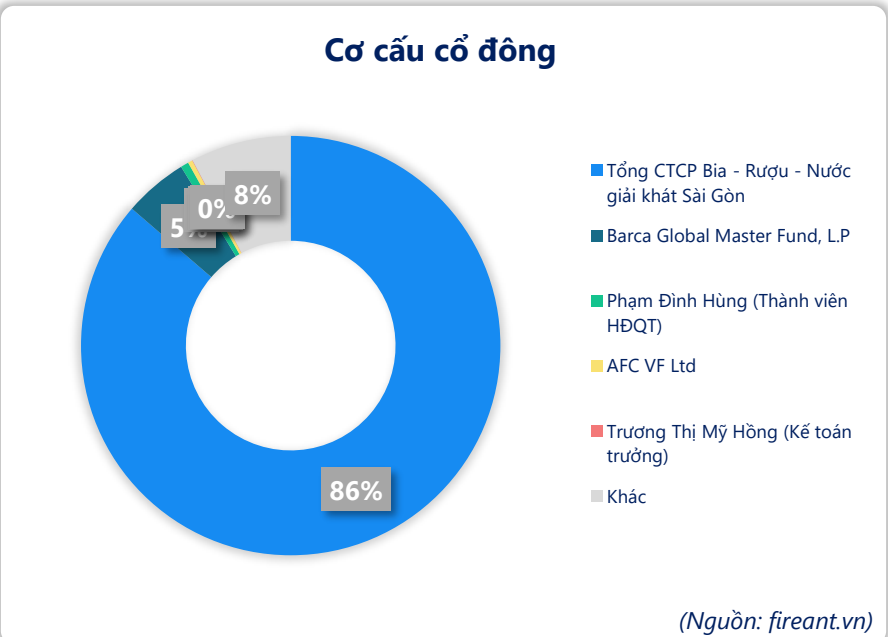
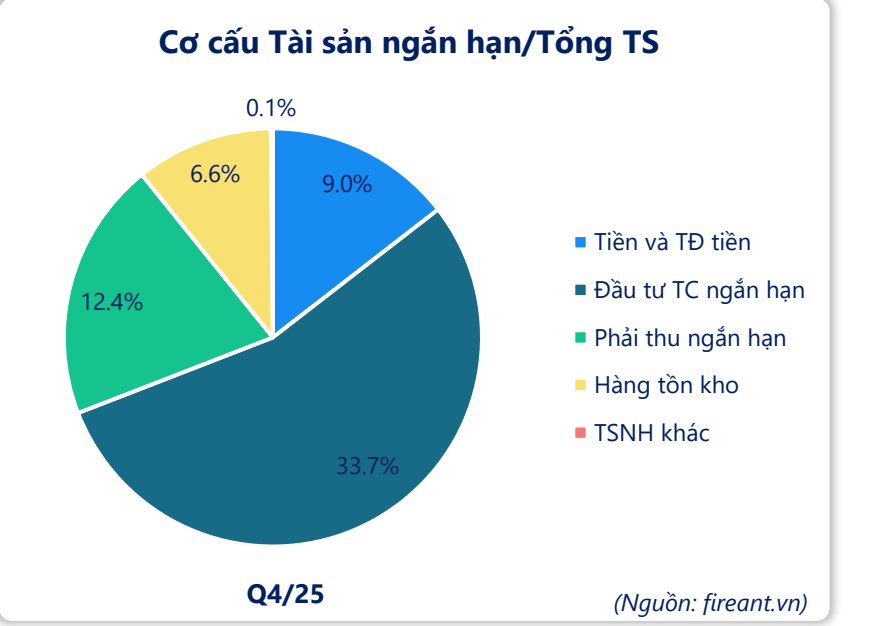
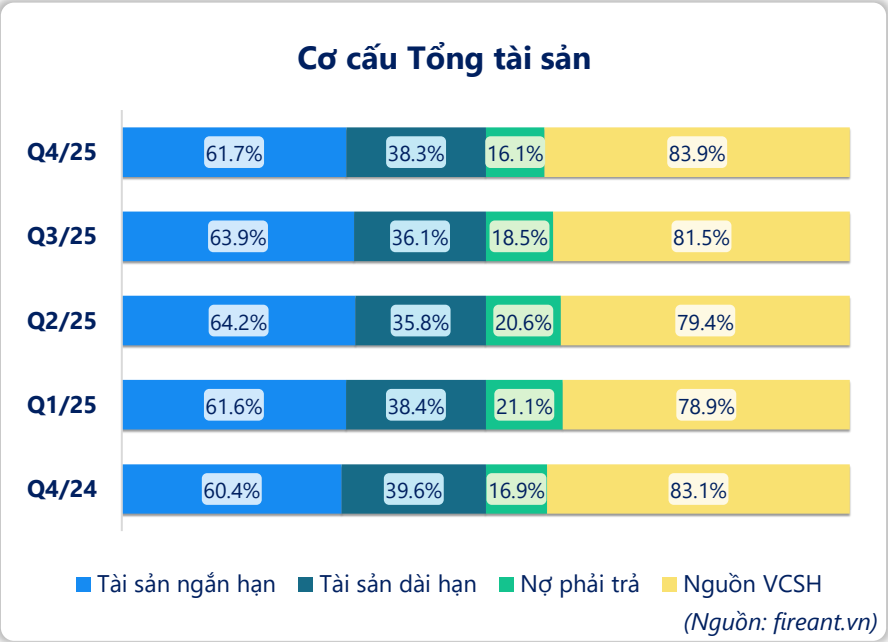
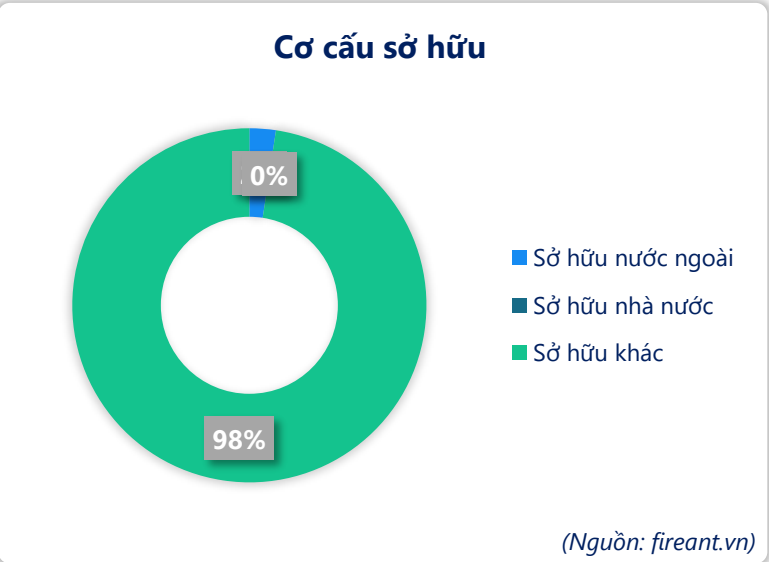
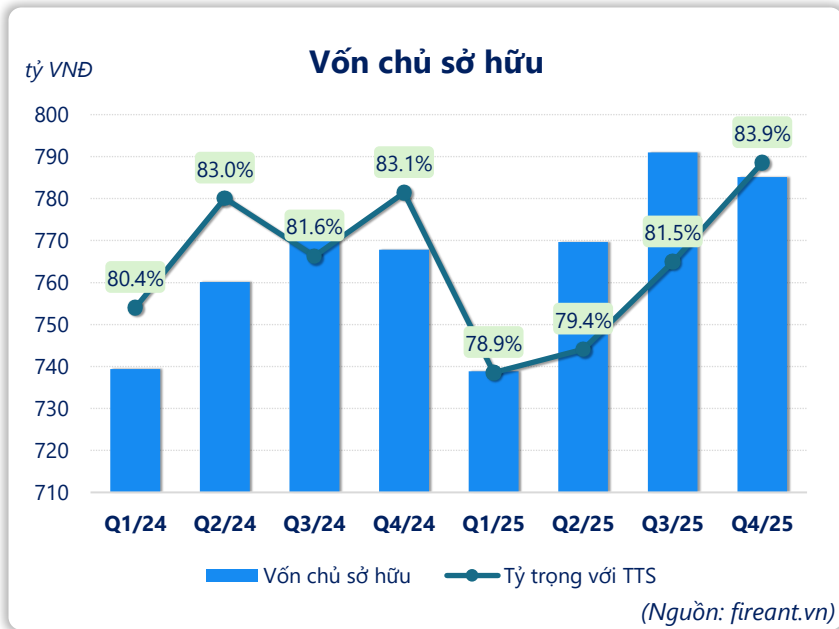
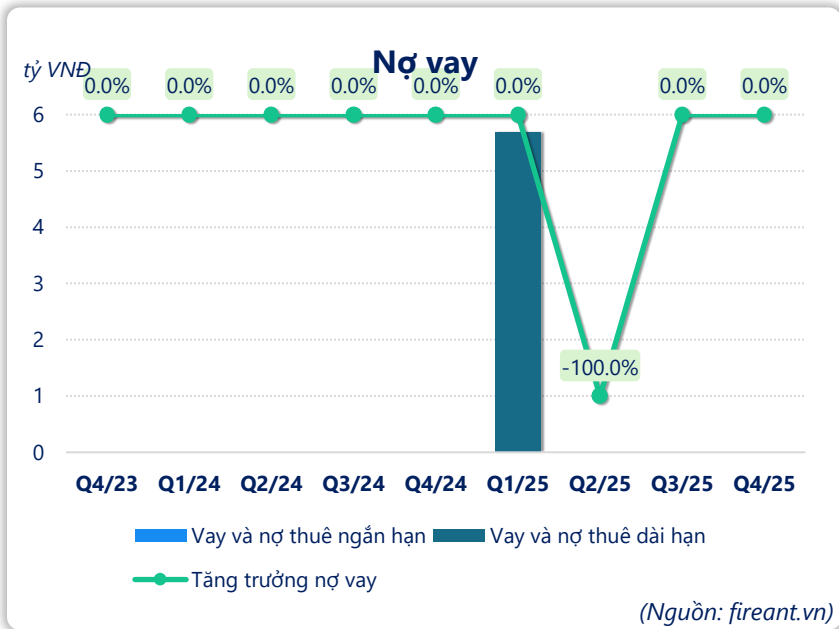
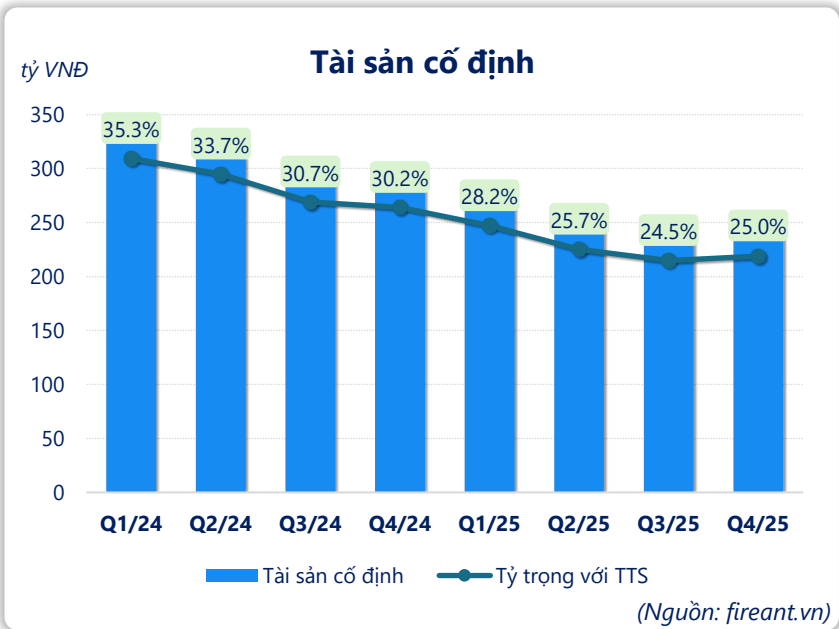
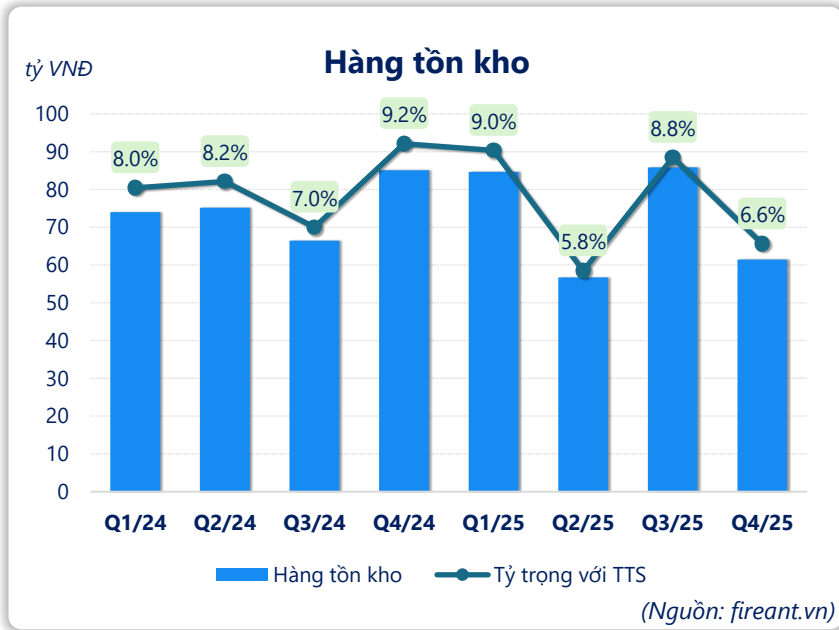
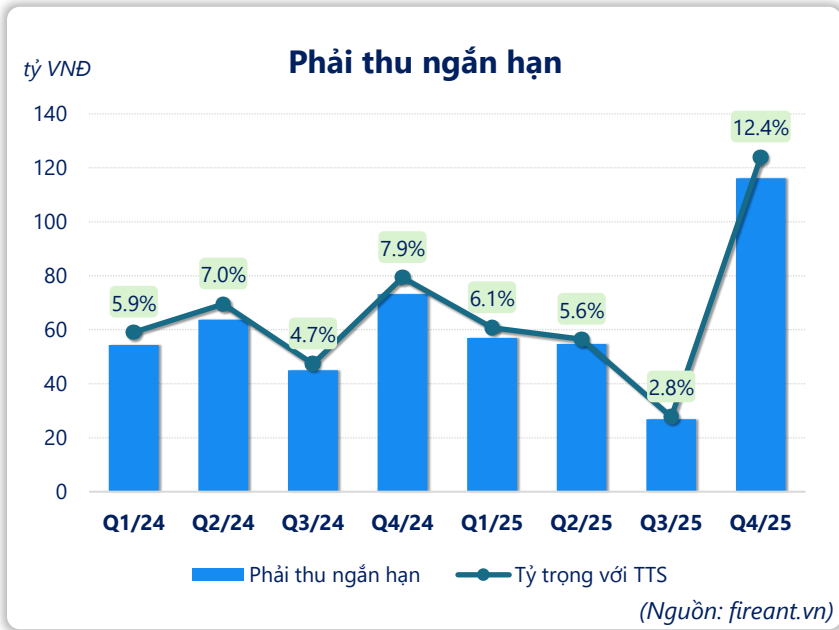
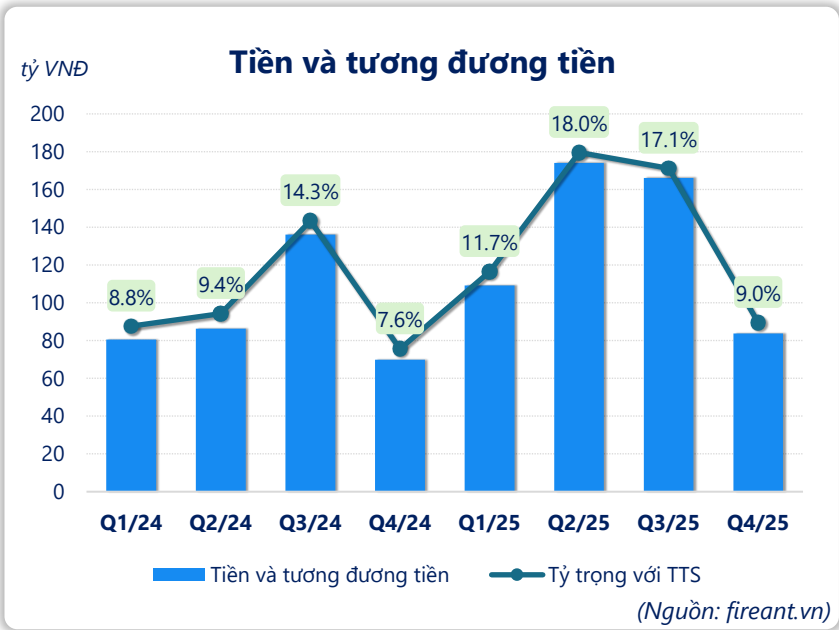
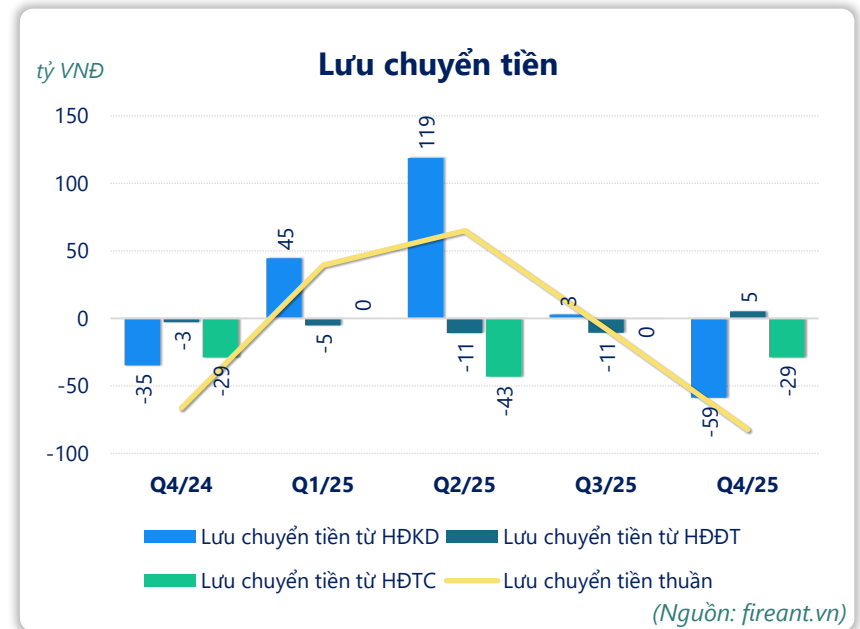
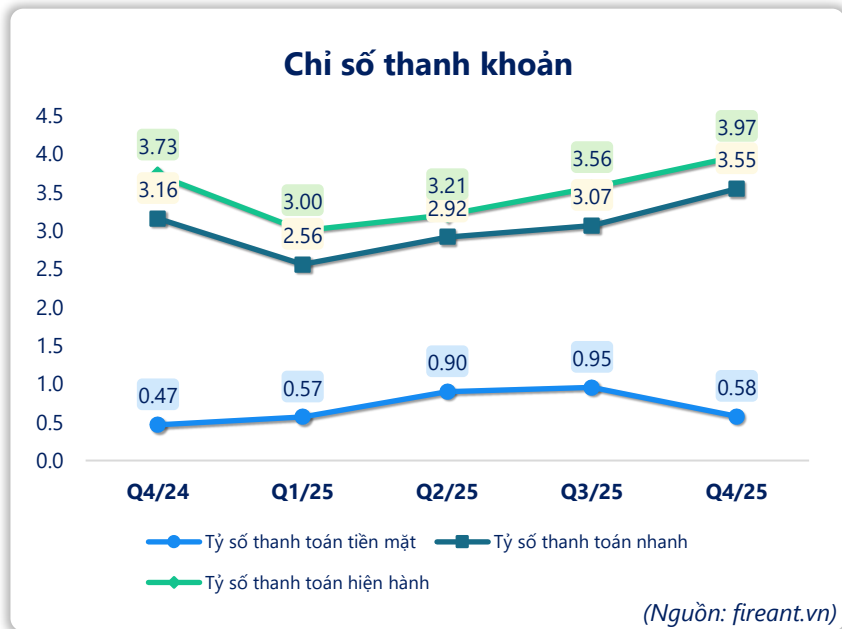
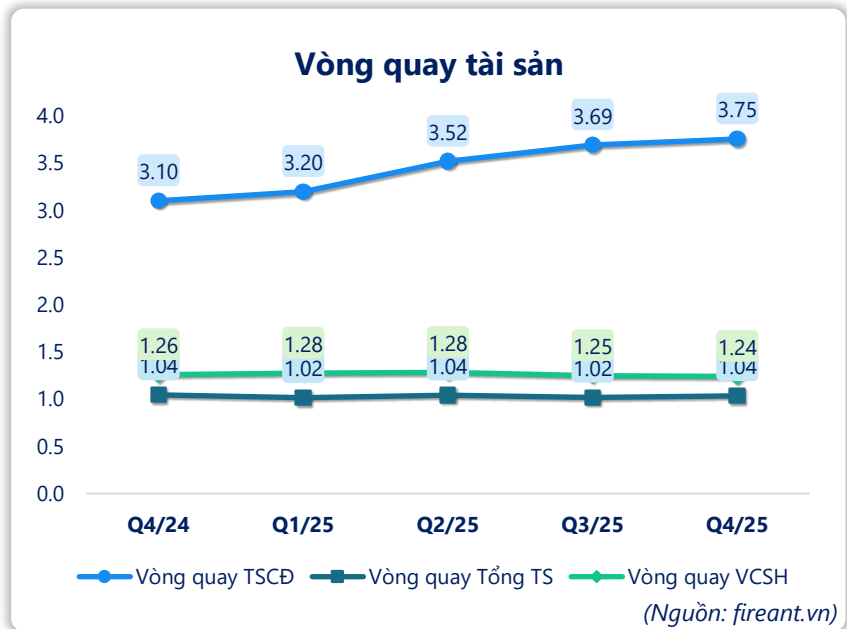
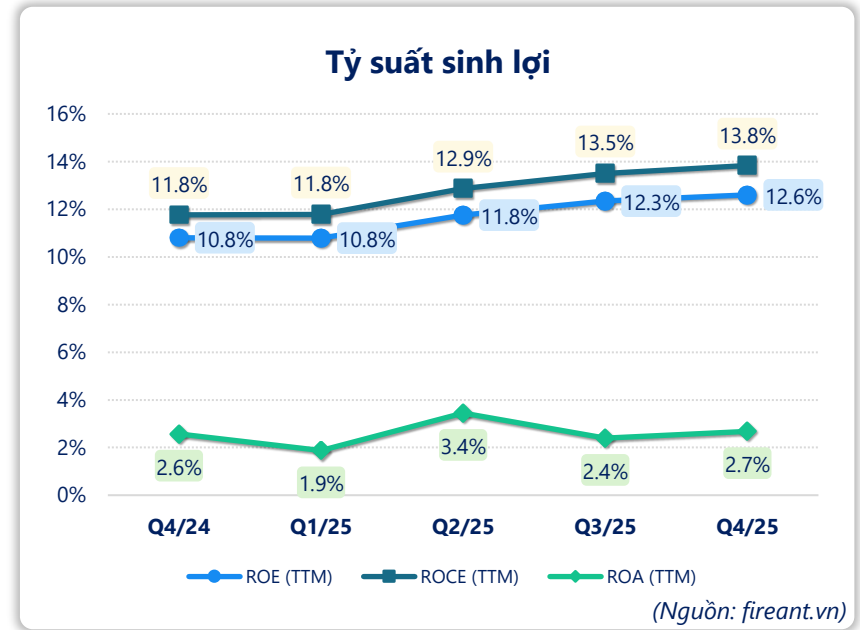
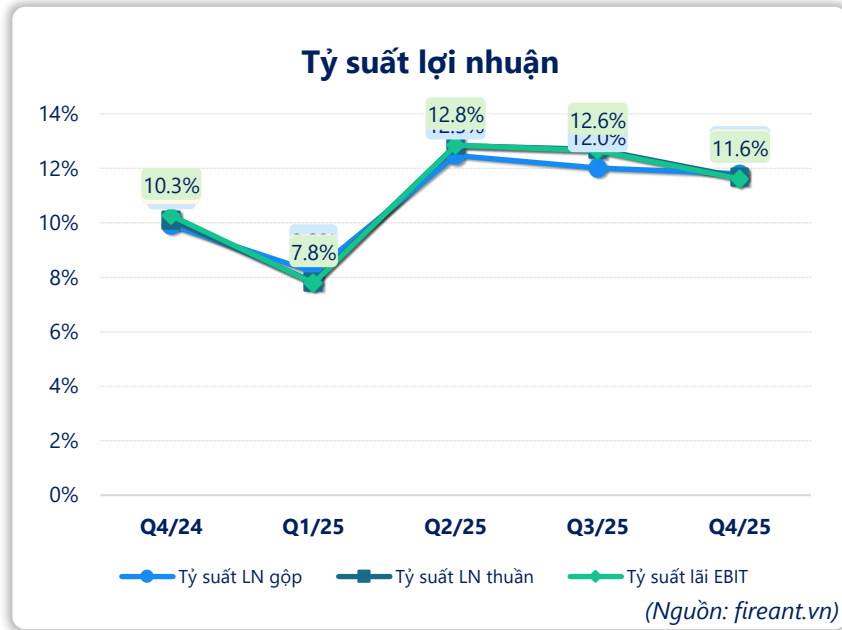
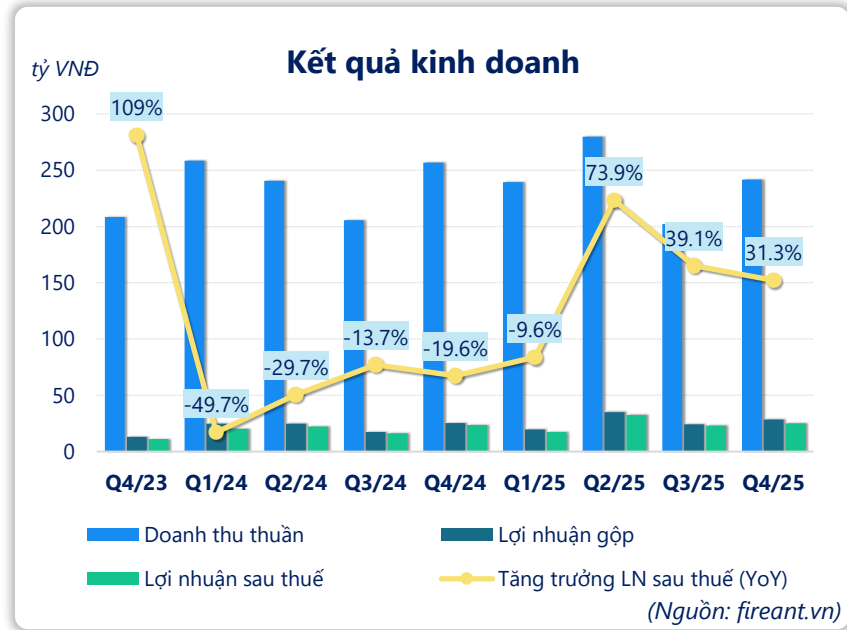


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		56,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		68,951
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		46,960
SL cổ phiếu LH		14,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		345
% sở hữu nước ngoài		2.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		813
P/E		8.3
EPS		6,748

	YTD	1T	3T	6T
WSB	-9.7%	-3.3%	-4.8%	-7.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	936	924	1.4%
Tài sản ngắn hạn	578	558	3.5%
Tiền và tương đương tiền	83.8	69.8	20.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	315	329	-4.2%
Phải thu ngắn hạn	116	73.3	58.5%
Hàng tồn kho	61.4	85.1	-27.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.91	0.88	4.2%
Tài sản dài hạn	359	365	-1.8%
Phải thu dài hạn	0.01	0	
Tài sản cố định	234	279	-15.9%
Bất động sản đầu tư	1.95	2.11	-7.6%
Tài sản dở dang	15.7	13.7	15.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	86.2	51.3	68.0%
Tài sản dài hạn khác	20.4	19.7	3.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	151	156	-2.9%
Nợ ngắn hạn	146	150	-2.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.94	22.6	-64.8%
Nợ dài hạn	5.64	5.89	-4.2%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	785	768	2.3%
Vốn chủ sở hữu	785	768	2.3%
Vốn điều lệ	145	145	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	257	240	280	202	242
Giá vốn hàng bán	231	220	245	178	213
Lợi nhuận gộp	25.4	19.6	34.9	24.3	28.5
Doanh thu HĐTC	5.62	5.12	6.14	6.19	6.25
Chi phí TC	0	0	0	0	0
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0.29	-0.20	0.11	0.44	-0.26
Chi phí bán hàng	0.23	0.28	0.36	0.18	0.23
Chi phí QLDN	5.18	5.53	4.87	5.07	6.05
LN thuần từ HĐKD	25.9	18.7	35.9	25.6	28.2
Lợi nhuận khác	0.41	-0.10	0.03	-0.09	-0.15
LN trước thuế	26.3	18.7	35.9	25.6	28.1
Lợi nhuận sau thuế	23.7	17.4	32.5	23.0	24.9
LNST của CĐ cty mẹ	23.7	17.4	32.5	23.0	24.9

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-34.8	44.5	119	2.88	-58.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-2.77	-5.19	-10.8	-10.7	5.25
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-28.8	0	-43.1	-0.01	-28.8
Tiền đầu kỳ	136	69.8	109	174	166
Lưu chuyển tiền thuần	-66.3	39.4	64.9	-7.85	-82.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	69.8	109	174	166	83.8

(Nguồn: fireant.vn)